



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 64 /QĐ-DHĐĐ ngày 11 tháng 02 .năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình : Thú y
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Thú y
Mã ngành : 7640101
Loại hình đào tạo: Chính quy

Hà Nội, 2025

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ- ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Thú y được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Thú y điều chỉnh được kế thừa từ chương trình đào tạo ban hành năm 2023 và được bổ sung, phát triển một số nội dung mới để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng trong lĩnh vực thú y, đáp ứng được yêu cầu sản xuất, khám chữa bệnh, đào tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức tốt về thú y và các kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường đổi mới và hội nhập quốc tế.

1.2. Thông tin chung

- + Tên tiếng Việt: Ngành thú y
- + Tên tiếng Anh: Veterinary medicine
- Mã ngành: 7640101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian: 5,0 năm
- Tên bằng tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Bác sỹ thú y
- + Tiếng Anh: The Degree of doctor Veterinary medicine
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Thú y
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:
- a. *Đối tượng tuyển sinh (chuẩn đầu vào):*
- Tổ hợp xét tuyển học sinh tốt nghiệp lớp 12:
 - + Khối A00: Toán học, Vật lý, Hóa học.
 - + Khối A01: Toán, Lý, Tiếng Anh
 - + Khối D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
 - + B00: Toán, Hóa, Sinh học
 - + B04: Toán, Sinh, GDKTPL
 - + B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
- Các phương án xét tuyển mới hàng năm sẽ được Trường Đại học Đông Đô cập nhật cụ thể theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. *Phương thức tuyển sinh*: Xét tuyển học bạ theo điểm chuẩn mỗi năm cụ thể của Nhà trường

- Điều kiện tốt nghiệp:

+ Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

+ Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0/4,0 trở lên;

+ Điểm rèn luyện: đạt từ loại khá trở lên

+ Có các chứng chỉ quy định và các điều kiện đủ khác như:

Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng

Có chứng chỉ giáo dục thể chất

Ngoại ngữ chuẩn đầu ra

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập, hoàn thành học phí, không nợ tài liệu, sách và các trang thiết bị kỹ thuật khác.

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo bác sỹ thú y có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng trong lĩnh vực thú y, đáp ứng được yêu cầu sản xuất, khám chữa bệnh, đào tạo ra những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về thú y và các kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường đổi mới và hội nhập quốc tế, có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: (K) Phân tích và áp dụng được vào thực tiễn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh và những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; có kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao, an ninh quốc phòng, trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

PO2: (K) Vận dụng được các kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề trong chăm sóc, dịch vụ thú y như: trình bày được các kiến thức về sinh lý học, bệnh lý học, dịch tễ học, dược lý học và miễn dịch học thú y, hiểu được kiến thức cơ bản về giải phẫu cơ thể vật nuôi, các kiến thức về dịch bệnh, khả năng đề kháng của cơ thể và cách sử dụng thuốc trong thú y, phân tích được quá trình bệnh lý của vật nuôi; các bệnh nội, ngoại, sản, truyền nhiễm, cách để phòng và chẩn đoán trị bệnh cho vật nuôi. có kiến thức pháp lý khi làm việc trong môi trường kinh tế luôn biến động cả trong nước và quốc tế.

PO3: (S) Có kỹ năng khám, chẩn đoán bệnh vật nuôi, phòng và điều trị bệnh, tổ chức kiểm soát dịch bệnh động vật và hướng dẫn sử dụng thuốc thú y; thực hiện được các công việc của nghề thú y; triển khai được các ứng dụng công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực thú y. có khả năng quản lý kỹ thuật tại các doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi.

PO4: (S) Sử dụng thuần thục kỹ năng xử lý tình huống trong hoạt động chuyên môn, tổng hợp thông tin và đưa ra giải pháp cho các vấn đề của thú y.

PO5: (S) Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự đánh giá kết quả và hoàn thành công việc đúng hạn.; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

PO6: (A) Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, sẵn sàng tiếp nhận, nghiên cứu, xử lý các thông tin liên quan nghề nghiệp; có phương pháp, thái độ làm việc khoa học, trung thực trong nghiên cứu, và tác nghiệp, tư duy sáng tạo, sẵn sàng phục vụ xã hội, xây dựng cộng đồng có mối quan hệ, lợi ích hài hòa, giá trị nhân văn cao cả; thể hiện được năng lực tự chủ và ý thức tự chịu trách nhiệm về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; thực hiện chủ động tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, tích lũy kinh nghiệm, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong lĩnh vực ứng dụng thú y.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo bác sỹ thú y, có khả năng:

1	Kiến thức	
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	
PLO1 (K)	Phân tích và áp dụng được vào thực tiễn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh và những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời đánh giá đúng các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch; có kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao, an ninh quốc phòng.	K3/5
PLO2 (K)	Vận dụng những kiến thức cơ bản về giao tiếp thuyết trình, tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. Ứng dụng thành thạo kiến thức về công nghệ thông tin trong học tập, công tác và các lĩnh vực của cuộc sống; vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành đào tạo; có trình độ ngoại ngữ thứ 2 tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.	K3/5
1.2	Kiến thức cơ sở ngành	
PLO3 (K)	Hiểu, phân tích được kiến thức về động vật học, giải phẫu động vật, sinh lý học động vật, tập tính động vật, dược lý học thú y, miễn dịch học thú y, đông dược học thú y....	K3/5
PLO4	Phân tích tổng hợp các kiến thức về hóa sinh động vật, độc chất học thú y, di truyền học thú y, tổ chức và phối thai học...	K4/5
1.3	Kiến thức chuyên ngành	
PLO5 (K)	Vận dụng kiến thức vào thực hiện chẩn đoán bệnh thú y, kiểm nghiệm thú sản, phát hiện, điều trị bệnh truyền nhiễm thú y, chăm cứu thú y, vệ sinh thú y, bệnh chó mèo...	K3/5

PLO 6 (K)	Phân tích, đánh giá sâu về bệnh lý học thú y, nội khoa thú y, ngoại khoa thú y, dịch tễ học thú y, bệnh truyền lây giữa động vật và người, vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật...	K4/5
2	Kỹ năng	
2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO7 (S)	Ứng dụng thành thạo các kiến thức chuyên ngành vào thực tế sản xuất, chăn nuôi, khám chữa bệnh cho động vật.	S4 /5
PLO8 (S)	Thực hiện được các nhiệm vụ thiết kế, lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình áp dụng áp dụng kỹ thuật thú y vào sản xuất và dịch vụ thú y.	S4 /5
2.2	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử	
PLO 9 (S)	Phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp; có khả năng áp dụng luật thú y, thể hiện được kỹ năng giao tiếp, truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức tốt thông qua các hình thức văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình); có kỹ năng tập hợp nhân lực để thành lập nhóm, duy trì và phối hợp tốt với cá nhân trong nhóm, phát triển nhóm; có kỹ năng làm việc với các nhóm khác. Biết đặt ra mục tiêu và phấn đấu để đạt được yêu cầu; có năng lực quản lý công việc, quản lý nguồn nhân lực.	S3/5
PLO10	Sử dụng thuần thục kỹ năng phân tích tình huống, tổng hợp thông tin và đưa ra giải pháp cho các vấn đề của thú y trong khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh; có thể làm việc độc lập, tự đánh giá kết quả và hoàn thành công việc đúng hạn.	S4 /5
3	Thái độ/ mức độ tự chủ chịu trách nhiệm	
PLO11 (A)	Hình thành tác phong, ý thức nghề nghiệp sẵn sàng tiếp nhận, nghiên cứu, xử lý các thông tin liên quan nghề nghiệp; có phương pháp, thái độ làm việc khoa học, trung thực trong nghiên cứu, và tác nghiệp, tư duy sáng tạo, sẵn sàng phục vụ xã hội, xây dựng cộng đồng, mối quan hệ lợi ích hài hòa, giá trị nhân văn cao cả.	A4 /4
PLO12 2 (A)	Thể hiện được năng lực tự chủ và ý thức tự chịu trách nhiệm về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; thực hiện chủ động tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, tích lũy kinh nghiệm; đề xuất, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong lĩnh vực thú y.	A3 /4

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU TỐT NGHIỆP

Làm việc tại các phòng khám thú y, bệnh viện thú y;

Làm việc ở các cơ quan quản lý nhà nước về thú y, cục thú y, viện thú y, sở nông nghiệp phát triển nông thôn và các trung tâm dịch vụ chăn nuôi thú y;

Làm việc các tập đoàn, trang trại, xí nghiệp, nhà máy sản xuất thuốc và thức ăn chăn nuôi;

Cá nhân đủ điều kiện có thể mở công ty, hoặc phòng khám thú y;

Làm việc tại các viện hàn lâm, viện khoa học thú y;



Làm việc tại các trường trung cấp cao đẳng, đại học chuyên ngành thú y

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

Các khối kiến thức	Số TC
Khối kiến thức giáo dục đại cương	37
Khối kiến thức cơ sở ngành	41
Khối kiến thức chuyên ngành	72
Thực tập & Khóa luận tốt nghiệp	10
Tổng	160

* Chưa kể 12 TC GDTC và GDQP an ninh

6. DANH SÁCH HỌC PHẦN

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
6.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương			37		
1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	7GDC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	7GDC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5	7GDC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
6	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	2	1
7	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	2	1
8	7GDC009	Ngôn ngữ Anh 3	3	2	1
9	7GDC019	Tin học đại cương	3	2	1
10	7GDC006	Pháp luật đại cương	2	2	0
11	7GDC032	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	2	2	0
12	7GDC030	Toán cao cấp	2	1	1
13	7GDC028	Xác suất và Thống kê	2	1	1
14	7GDC021	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
15	7THY001	Hóa phân tích	2	1	1
16	7THY002	Sinh học đại cương	2	1	1
6.2.2. Giáo dục Thể chất, Giáo dục QPAN					
	7GAQ001	Giáo dục QPAN	4		
	7GTC002	Giáo dục thể chất	8		
6.2.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			41		
6.2.3.1. Kiến thức cơ sở ngành (Bắt buộc)			34		
17	7THY003	Động vật học	3	2	1
18	7THY004	Sinh lý học động vật	2	1	1
19	7THY005	Hóa sinh động vật	2	1	1
20	7THY006	Giải phẫu động vật học	3	2	1

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
21	7THY007	Tổ chức và phôi thai học	2	1	1
22	7THY008	Dược lý học thú y	3	2	1
23	7THY009	Miễn dịch học thú y	3	2	1
24	7THY010	Vi sinh vật đại cương	2	1	1
25	7THY011	Độc chất học thú y	2	1	1
26	7THY012	Đông dược học thú y	3	2	1
27	7THY013	Rèn nghề thú y	4	2	2
28	7THY014	Thực tập cơ sở ngành	3	0	3
29	7THY015	Tiếng Latin	2	2	0
6.2.3.1. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (7/11 tín chỉ)			7/11		
30	7THY016	Di truyền học động vật	2	1	1
31	7THY017	Dinh dưỡng và thức ăn động vật	3	2	1
32	7THY018	Dược lý học lâm sàng thú y	2	1	1
33	7THY019	Phúc lợi và tập tính động vật	2	1	1
34	7THY020	Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi	2	1	1
6.2.3.2. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			56		
35	7THY021	Vi sinh vật học thú y	3	2	1
36	7THY022	Chẩn đoán bệnh thú y	3	2	1
37	7THY023	Bệnh lý học thú y	3	2	1
38	7THY024	Nội khoa thú y	3	2	1
39	7THY025	Sinh sản thú y	3	2	1
40	7THY026	Ký sinh trùng thú y	3	2	1
41	7THY027	Ngoại khoa thú y	3	2	1
42	7THY028	Kiểm nghiệm thú sản	3	2	1
43	7THY029	Truyền nhiễm thú y	4	3	1
44	7THY030	Dịch tễ học thú y	3	2	1
45	7THY031	Bệnh chó, mèo	3	2	1
46	7THY032	Châm cứu thú y	3	2	1
47	7THY033	Luật thú y	2	2	0
48	7THY034	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2	1	1
49	7THY035	Thực tập chuyên ngành 1	3	0	3
50	7THY036	Thực tập chuyên ngành 2	3	0	3
51	7THY037	Thực tập bệnh xá thú y	3	0	3
52	7THY038	Thực tập trang trại	3	0	3
53	7THY039	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	3	2	1
6.2.3.3. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (16/20)			16/20		



TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
54	7THY040	Chăn nuôi gia cầm	2	1	1
55	7THY041	Chăn nuôi lợn	2	1	1
56	7THY042	Chăn nuôi trâu, bò	2	1	1
57	7THY043	Vệ sinh thú y	2	1	1
58	7THY044	Công nghệ vắc xin và sản xuất vắc xin	2	1	1
59	7THY045	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật	2	1	1
60	7THY046	Bệnh động vật hoang dã	2	1	1
61	7THY047	Bệnh học thủy sản	2	1	1
62	7THY048	Một sức khỏe trong thú y	2	1	1
63	7THY049	Chăn nuôi chó, mèo	2	1	1
6.2.3.4. Thực tập, khoá luận tốt nghiệp			10		
64	7THY050	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
65	7THY051	Khóa luận hoặc Chuyên đề tốt nghiệp	6	0	6
6.2.3.5. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
66	7THY052	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	3	2	1
67	7THY053	Chẩn đoán phòng thí nghiệm	3	2	1
Tổng cộng			160		